

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2025

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Sinh

Ông Nguyễn Đức Nhâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Thụy - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 16/2025/TLST-HNGĐ, ngày 25/7/2025 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 09/9/2025, số 12/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 22/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thu H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn 13, xã N, tỉnh Tuyên Quang (Địa chỉ cũ: Tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang).

2. Bị đơn: Anh Châu Vĩnh L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 13, xã N, tỉnh Tuyên Quang (Địa chỉ cũ: Tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang).

(Nguyên đơn chị Trần Thu H có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Châu Vĩnh L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Trần Thu H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Châu Vĩnh L tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 16/3/2017. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh L tại tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là Thôn 13, xã N, tỉnh Tuyên Quang). Cuộc sống chung của

hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L ham chơi, bị kết án phạt tù về tội ma túy, sau khi ra tù lại có quan hệ với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh L vẫn không thay đổi khiến cho quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, bất đồng. Bố mẹ đẻ anh L cũng khuyên can anh L nhưng anh L vẫn không thay đổi, vẫn tiếp tục có quan hệ với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên chị và anh L đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2025 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không còn có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Châu Vĩnh L đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Châu Vĩnh L, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống mới.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Châu Vĩnh L có 01 con chung là cháu Châu Tường M, sinh ngày 06/10/2018. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi cháu Châu Tường M đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh Châu Vĩnh L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh Châu Vĩnh L sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh L nên chưa tạo lập được tài sản, đất đai chung; vợ chồng chị cũng không có vay nợ chung, do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Châu Vĩnh L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thu H tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 16/3/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh tại tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn 13, xã N, tỉnh Tuyên Quang). Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đôi lúc vợ chồng có xảy ra cãi vã nhưng không đến mức trầm trọng. Năm 2023, chị H có đi làm tại thành phố Tuyên Quang, nhưng một tháng vẫn đi lại về nhà thăm nom gia đình và con cái. Hiện nay chị H vẫn đi làm tại thành phố Tuyên Quang, còn anh làm nghề lái taxi. Nay chị Trần Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh không nhất trí vì mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng, bản thân anh vẫn còn tình cảm với vợ. Hơn nữa, anh cũng muốn chị H quay về đoàn tụ để cùng anh nuôi dạy con cái.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Trần Thu H có 01 con chung là cháu Châu Tường M, sinh ngày 06/10/2018. Hiện nay cháu Minh đang sống cùng chị H tại thành phố Tuyên Quang. Trường hợp bắt buộc phải ly hôn anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu M đến tuổi trưởng thành và sẽ cấp dưỡng theo khả năng của mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, đất đai chung: Quá trình chung sống anh và chị Trần Thu H chưa tạo lập được tài sản, đất đai gì chung, do đó anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và người thân của bị đơn anh Châu Vĩnh L, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Châu Vĩnh L và chị Trần Thu H tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 16/3/2017. Sau ngày cưới, vợ chồng anh L, chị H về chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh L là ông Châu Văn K và bà Mai Thùy D tại tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn 13, xã N, tỉnh Tuyên Quang). Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau này phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ghen tuông, vợ chồng xảy ra cãi vã, căng thẳng. Mâu thuẫn của anh L chị H đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn nên đã sống ly thân với nhau. Gia đình và địa phương xác định mặc dù vợ chồng anh L chị H có mâu thuẫn, nhưng đề nghị Tòa án hòa giải để cho vợ chồng anh L, chị H đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình và nuôi dạy con cái, trường hợp chị H vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì gia đình và chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh Châu Vĩnh L và chị Trần Thu H có 01 con chung là cháu Châu Tường M, sinh ngày 06/10/2018. Hiện nay cháu Châu Tường M đang sống cùng anh L và ông bà nội là ông Châu Văn K và bà Mai Thùy D.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh Châu Vĩnh L và chị Trần Thu H chưa tạo lập được tài sản, đất đai gì chung; vợ chồng anh L và chị H cũng không có vay nợ chung gì.

Về hộ khẩu thường trú: Hiện nay anh Châu Vĩnh L và chị Trần Thu H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú cùng gia đình bố mẹ đẻ anh L là ông Châu Văn K và bà Mai Thùy D tại thôn 13, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Kể từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị H đi làm tại cửa hàng bán thuốc tại phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang, còn anh L làm nghề lái xe taxi, khi có khách thì đi chạy khách, không có khách vẫn về nhà ăn uống và sinh hoạt cùng nhà với bố mẹ đẻ tại thôn 13, xã N, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thu H thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Châu Vĩnh L chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải không có lý do, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thu H:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thu H được ly hôn với anh Châu Vĩnh L.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Châu Tường M, sinh ngày 06/10/2018 cho chị Trần Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Châu Vĩnh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Do nguyên đơn chị Trần Thu H và bị đơn anh Châu Vĩnh L đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Châu Vĩnh L không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Trần Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn với anh Châu Vĩnh L, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Châu Vĩnh L có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn 13, xã N, tỉnh Tuyên Quang). Do đó, Tòa án nhân dân huyện N (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh Châu Vĩnh L đã biết được việc chị Trần Thu H khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng anh L không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh Châu Vĩnh L đến tham gia phiên tòa nhưng anh L vắng mặt không có lý do. Như vậy, đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt, tự từ bỏ quyền, trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Trần Thu H có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị

đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thu H thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Châu Vĩnh L chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải; vắng mặt tại phiên hòa giải không có lý do).

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thu H và anh Châu Vĩnh L tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 16/3/2017. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau ngày cưới hai vợ chồng về chung sống tại tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn 13, xã N, tỉnh Tuyên Quang). Cuộc sống chung của hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày của nguyên đơn là do anh L ham chơi, bị kết án phạt tù về tội ma túy, sau khi ra tù lại có quan hệ với người phụ nữ khác, chị H đã nhiều lần tha thứ nhưng anh L vẫn không thay đổi khiến cho quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, mâu thuẫn trầm trọng. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng anh L vẫn không thay đổi nên chị H đã bỏ đi làm ăn tại phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang và sống ly thân với anh L từ đầu năm 2025 cho đến nay. Chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh L để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới.

Trong Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Châu Vĩnh L cũng xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có xảy ra cãi vã do chị H cho rằng anh có quan hệ với người phụ nữ khác khiến cho hai bên gia đình phải can thiệp hòa giải. Sau đó chị H đi làm tại thành phố Tuyên Quang, ít khi về thăm gia đình. Anh đã nhiều lần khuyên nhủ, đón chị H quay về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý, kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh nhưng anh không nhất trí vì thấy mình vẫn còn tình cảm với vợ. Ngoài ra, anh cũng không muốn vợ chồng ly hôn để cho con có đầy đủ bố mẹ, phát triển toàn diện.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị H và anh L phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2025, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau là thực tế. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn. Bản thân anh L và gia đình cũng đã nhiều lần động viên, khuyên nhủ và xuống tận thành phố Tuyên Quang đón chị H về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý đoàn tụ mà kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn với anh L. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thu H và anh Châu Vĩnh L đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thu H được ly hôn với anh Châu Vĩnh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Trần Thu H và anh Châu Vĩnh L có 01 con chung là cháu Châu Tường M, sinh ngày 06/10/2018. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thu H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Châu Tường M và không yêu anh Châu Vĩnh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Châu Tường M. Trong Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Châu Vĩnh L xác định trong trường hợp phải ly hôn thì anh cũng nhất trí giao cháu Châu Tường M cho chị Trần Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phát triển toàn diện của con chưa thành niên và theo đề nghị của các đương sự, Hội đồng xét xử giao cháu Châu Tường M cho chị Trần Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Châu Vĩnh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của các đương sự thể hiện vợ chồng chị Trần Thu H và anh Châu Vĩnh L không có tài sản, đất đai, vay nợ chung; các đương sự cũng không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Trần Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn anh Châu Vĩnh L không phải nộp tiền án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thu H được ly hôn với anh Châu Vĩnh L (*Giấy chứng nhận kết hôn số 18, ngày 16/3/2017 tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang – Nay là UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Châu Tường M, sinh ngày 06/10/2018 cho chị Trần Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Châu Vĩnh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thu H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000155, ngày 25/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Tuyên Quang. Ghi nhận chỉ

Trần Thu H đã nộp đủ tiền án phí. Bị đơn anh Châu Vĩnh L không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Trần Thu H và bị đơn anh Châu Vĩnh L được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang ;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San